

Số: 67/2018/QĐST - HNGĐ

N, ngày 21 tháng 5 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Vũ Ngọc L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Chị Đoàn Thị C, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Do anh L, chị C đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên anh L và chị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Ngọc L, sinh năm 1966 và chị Đoàn Thị C, sinh năm 1970; Đều trú tại: Thôn H, xã N, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Ngọc L và chị Đoàn Thị C tự nguyện thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Anh Vũ Ngọc L và chị Đoàn Thị C xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị P, sinh ngày 18/11/1995 và Vũ Phương T, sinh ngày 10/8/2005. Hiện nay cháu P đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân. Sau khi ly hôn anh L chị C thống nhất thỏa thuận chị C trực tiếp nuôi cháu Vũ Phương T, anh L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Vũ Ngọc L và chị Đoàn Thị C thống nhất xác định vợ chồng có tài sản chung, nhưng đã tự thoả thuận phân chia tài sản chung vợ chồng và yêu cầu Toà án ghi nhận trong quyết định theo như biên bản thoả thuận phân chia tài sản chung vợ chồng ngày 09/4/2018, cụ thể thỏa thuận như sau:

- Vợ chồng anh L, chị C có tài sản chung gồm: 01 thửa đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 01, diện tích 230 m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00130 QSDĐ/305/QĐ-UB do Chủ tịch UBND huyện N cấp ngày 08/12/2000); 01 ngôi nhà 2,5 tầng, tường rào bao quanh và các công trình xây dựng khác:

- Giá trị ngôi nhà là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), vợ chồng để lại toàn bộ giá trị ngôi nhà cho 02 con là Vũ Thị P, sinh ngày 18/11/1995 và Vũ Phương T, sinh ngày 10/8/2005, mỗi con một nửa (400.000.000 đồng).

- Sau khi ly hôn anh Vũ Ngọc L được quyền sử dụng thửa đất và sở hữu toàn bộ các tài sản xây dựng trên đất: Thửa số 42, tờ bản đồ số 01, diện tích 230 m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00130 QSDĐ/305/QĐ-UB do Chủ tịch UBND huyện N cấp ngày 08/12/2000); 01 ngôi nhà 2,5 tầng, tường rào bao quanh và các công trình xây dựng khác. Anh Vũ Ngọc L có nghĩa vụ thanh toán cho hai con Vũ Thị P, Vũ Phương T số tiền 800.000.000 đồng. Chị Đoàn Thị C có trách nhiệm bàn giao tài sản và toàn bộ giấy tờ nhà, đất cho anh L.

- Tài sản, nghĩa vụ, công nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn L C P do anh Vũ Ngọc L tự chịu trách nhiệm, không liên quan gì đến chị Đoàn Thị C.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Ngọc L và chị Đoàn Thị C thống nhất thỏa thuận anh Liên nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vũ Ngọc L phải nộp

án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06189 ngày 01/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N (anh Vũ Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm); Hoàn trả anh L số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện N;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương